

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

⚡ **Công bố tại:**

- Trang điện tử của CTCP dược Medipharco theo địa chỉ:
<http://www.medipharco.com.vn>
- Trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước:
<http://w.w.w.congbothongtin@ssc.gov.vn>

⚡ **Báo cáo trong Hồ sơ công bố thông tin gửi đến:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thành phố Huế, ngày 19/03/2021



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2020

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: *Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006*
- Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ**
- *Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN*
- Địa chỉ: *Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế .*
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- FAX : (84) 0234.3826077
- E-mail : mediphar@dng.vnn.vn
- Website www.medipharco.com/ www.medipharco.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có: MTP)

a. Quá trình hình thành và phát triển.

⚡ **Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)**

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyd với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM — Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

⚡ **Các sự kiện khác:** Trong năm 2020:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT (gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát (Gồm 3 thành viên) nhiệm kỳ 4 (2020-2025)
- Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về:
 - + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
 - ✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - + Thay đổi Người quản lý doanh nghiệp:
 - ✓ Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Thành viên HĐQT
 - ✓ Ông Nguyễn Văn hoàng- Thành viên HĐQT
 - + Thay đổi Tổng giám đốc:
 - ✓ Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - + Thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết:

TT	Nội dung	Trước khi thay đổi	Thay đổi	Sau khi thay đổi
4	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành	3.997.967	2.600.000	6.597.967

- Bộ y tế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho CTCP dược Medipharco theo QĐ số 4090/QĐ- BYT ngày 24/09/2020 do thay đổi người quản lý chuyên môn- Phạm vi Sản xuất thuốc
- Sở y tế TT Huế Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện Sản xuất Mỹ phẩm cho Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú bài

3001
DŌN
PHẢ
ĐI P
7.7H

- Sở Công thương TT Huế cấp „ Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” cho dây chuyền sản xuất Rượu tại Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú Bài
- Giấy chứng nhận ISO 9001-2015 ngày 22/06/2020 cho 02 cơ sở sản xuất Gel rửa tay khô

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy đăng kí kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 26/05/2014 cho đến hiện tại như sau:

TT	Ngành nghề	Mã ngành
1	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100
2	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3	Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6	Đầu tư tài chính	6499
7	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
9	Kinh doanh, Sản xuất, Xuất nhập khẩu các sản phẩm mục 1,2,3,4	
9	Dịch vụ Bảo quản thuốc chữa bệnh	8299

0141
GT
ND
HAI
UAT

b. Địa bàn kinh doanh chính:

- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

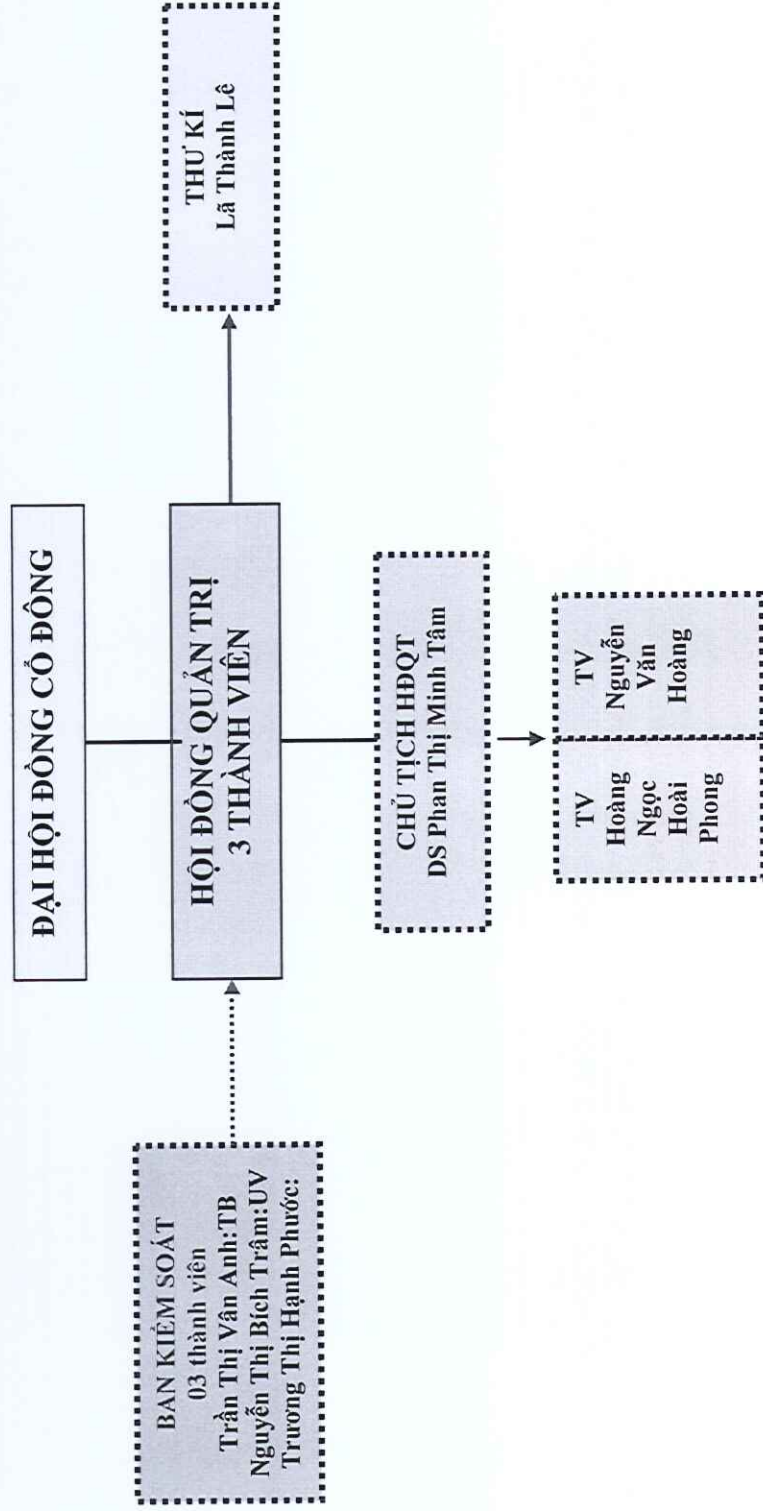
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

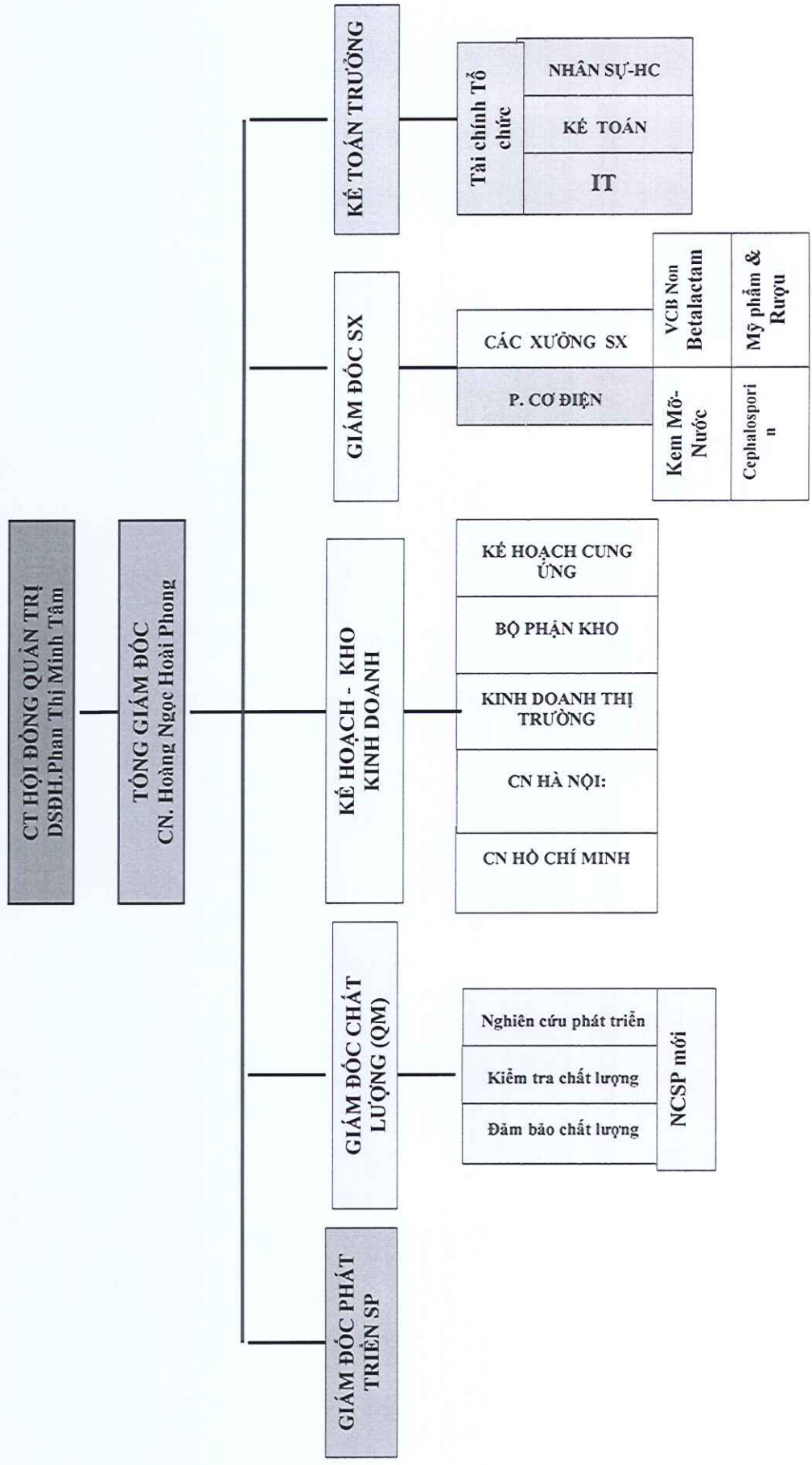
Từ tháng 18/05/2020 _ Thuộc Nhiệm kì 4 (2020-2025) _ thay đổi như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ- BAN KIỂM SOÁT- THỦ KÍ:

⚡ 3 người: 1 Chủ tịch + 2 Ủy viên ; Trong đó 1 TV ngoài DN



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC TỪ T5/2020 (Nhiệm kì IV: 2020-2025)



✚ **Mô hình quản trị:**

- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

✚ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển (R&D), Kiểm tra chất lượng(QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài sản xuất Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP và Sản xuất Mỹ phẩm

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

4. Định hướng phát triển theo Nhiệm kỳ lần thứ 4 (2020-2025):

- Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- Mở rộng Hợp tác đối tác mới** có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm - Danh mục hàng sản xuất... để hợp tác đầu tư vào Medipharco nhằm mục tiêu thay đổi SX toàn diện của Medipharco từ nhân sự - tổ chức SX- quản lí hạch toán- Thiết bị- Công suất dây chuyền- Cung ứng NPL
- Quản trị Nhân sự:** Thay thế bổ nhiệm cán bộ chủ chốt của DN và các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT sau khi bầu HĐQT nhiệm kỳ 4(2020-2025)
- Ưu tiên đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm; Bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất tương tự đủ sức cạnh tranh như các nhà SX khác trên thị trường
- Có giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn;
- Xây dựng & củng cố Hệ thống màng lưới kinh doanh phân phối trọng điểm tại Thành phố Hà nội- Hồ Chí Minh và tại tỉnh Thừa Thiên Huế.

- g) Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á...
- h) Nghiên cứu Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú Bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới
- i) Xây dựng và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
- j) Tiếp tục hợp tác có hiệu quả với đối tác chiến lược về nhập khẩu, xuất khẩu, sản xuất và phân phối

5. Các rủi ro:

- ⚡ Các thay đổi về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế; Quy định về Bảo hiểm y tế sẽ tác động đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận
- ⚡ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng (Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước...) tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ⚡ Rủi ro do dịch bệnh COVIT theo diễn biến bất lợi tại cộng đồng dẫn đến khan hiếm và tăng giá đột biến nguồn Nguyên liệu- Tá dược- Bao bì ... phải nhập khẩu từ nước ngoài...

II. Tình hình hoạt động trong năm 2020:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Trong năm 2020- năm đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT lần thứ 4 (2020-2025) ,

Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:

- Khó khăn do tác động tiêu cực của đại dịch COV trên toàn cầu
- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược mới, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh; công nợ kéo dài của hệ thống khám chữa bệnh; chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Nhóm hàng sản xuất của MPC vẫn chưa cải thiện được triệt để tình trạng không có khả năng cạnh tranh, giá trị thấp do nhiều bất cập trong đăng kí thuốc mới, nhiều sản phẩm đang chờ đợi duy trì hoặc gia hạn số đăng ký nên lúng túng trong sản xuất và phân phối.

b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Bộ máy tổ chức đã được cơ cấu lại theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kì 4 (2020-2025) ;Thay thế bổ sung nhân lực trẻ Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật đã được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động
- Người lao động có ý thức tự giác , sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh ; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , để thực hiện các vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông – Đặc biệt là tăng trưởng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN

Tuy nhiên, các khó khăn tồn tại khách quan trong năm 2020 cũng như nhiều năm qua vẫn làm ảnh hưởng đến hiệu quả cuối cùng của doanh nghiệp!

Cụ thể:

- ❖ Doanh số bán ra năm 2020 đạt 1.012 tỷ đồng, đạt 106 % so với kế hoạch năm.
- ❖ Lợi nhuận năm 2020:
 - Trước thuế : **8,949** Tỷ ĐVN
 - Sau thuế : **7,853** Tỷ ĐVN/ Kế hoạch 8 tỷ đồng- Đạt 98%

d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :

- Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) gồm 3 thành viên - Ban Kiểm soát gồm 3 thành viên; Hội đồng quản trị đã bầu Chủ tịch HĐQT- Tổng giám đốc- Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát đã bầu Trưởng ban và phân công nhiệm vụ các thành viên BKS
- Bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới Cán bộ quản lí chủ chốt phụ trách các Khối- Bộ phận- Đơn vị trực thuộc theo nhiệm kì HĐQT lần thứ 4
- Thay đổi Sơ đồ tổ chức Nhân sự nhiệm kì 4 (từ tháng 5/2020)
- Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :
 - + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
 - + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:b03 thành viên
 - + Thay đổi Tổng giám đốc (Chủ tịch HĐQT không kiêm TGD)
 - + Thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết đối với số cổ phiếu sau khi sáp nhập doanh nghiệp đã hết thời hạn 12 tháng
- Thay đổi Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị nội bộ.
- Thay đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược của Bộ y tế cấp do thay đổi người quản lí chuyên môn- Phạm vi Sản xuất thuốc
- Bổ sung và có Quyết định v/v Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện Sản xuất Mỹ phẩm ,, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” cho dây chuyền sản xuất Rượu tại Nhà máy số 01 tại Khu CN Phú bài

- Đăng kí và được cấp Giấy chứng nhận ISO 9001-2015 cho 02 cơ sở sản xuất Gel rửa tay khô

e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2019	KH 2020	Thực hiện 2020	So sánh thực hiện/KH
	1	2	5			6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.133	950	1.012	106%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	9,654	10	8,949	89.5%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,985	2	1,096	55%
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0	0	0	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	7,669	8,	7,853	98%

2. Tổ chức và nhân sự.

- a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

✚ Danh sách ban điều hành:

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IVCông ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.


 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM IIPH
 THỦ

- Danh sách Ban kiểm soát như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4

⚡ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	054 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
Quá trình công tác	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	85.403 cổ phiếu

Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	399 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

- TVHĐQT- Tổng giám đốc:

Họ và tên	Hoàng Ngọc Hoài Phong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CMTND	191290276
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp. HCM
2006-2008	Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	553.334 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	33.303 cổ phiếu

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không
---------------------------------	-------

- TVHĐQT:

Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CMTND	012402681 ngày cấp 22/04/2011 Nơi cấp : Công an Hà nội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng 2402 nhà CT1B , chung cư Nam đô , số 609 Trương Định, Phường Thịnh liệt, Quận Hoàng mai, Hà nội
Điện thoại liên lạc cơ quan	0902252729
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp
Quá trình công tác:	
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1.001.059 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát: :



STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2020		30/12/ 2020	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	553.334	8,39	553.334	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1.059	0.016%	1.059	0.016%
2	Nguyễn Phương Trâm	Thành viên	670.772	10,17%	670.772	10,17%
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

- a. **Cơ cấu cổ đông:** Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu Đầu năm 2020	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2020	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	57,67	57,67	VSD chốt tại ngày 31/12/2020
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	11,13%	10,53%	
4	Cổ đông cá nhân	%	88,87	89,47%	
5	Cổ đông trong nước		99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài		0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước		0%	0%	
8	Cổ đông khác			57,67	



- ⚡ **Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:** Từ ngày 18/5/2020; Tổng giám đốc điều hành là ông Hoàng Ngọc Hoài Phong- Thành viên HĐQT
- ⚡ **Quyền lợi của Tổng Giám đốc: Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và các quyền lợi khác của Tổng Giám đốc:**

ST T	Họ tên ban Tổng Giám đốc	Chức danh	Thu nhập cá nhân (Tiền lương & Thưởng) Triệu ĐVN	Lợi ích khác (Thù lao HĐQT & Thưởng 2018) Triệu ĐVN
1	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Tổng Giám đốc	428	43

b. Những thay đổi trong ban điều hành:

- ⚡ **Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng:**

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên - Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
 - Bà Phan Thị Minh Tâm: Chủ tịch HĐQT
 - Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Thành viên HĐQT
 - Ông Nguyễn Văn Hoàng: Thành viên HĐQT
- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên:
 - Trần Thị Vân Anh: Trưởng Ban kiểm soát
 - Bà Nguyễn Thị Phương Trâm: Thành viên
 - Bà Trương Thị Hạnh Phước: Thành viên
- **Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng :**
 - Ông Hoàng Ngọc Hoài Phong: Tổng giám đốc
 - Ông Nguyễn Minh Ngọc – Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- ⚡ **Số lượng cán bộ công nhân viên lao động:**

⚡ Tổng số lao động có đến 31/12/2020: 173 người

- ❖ Các hình thức hợp đồng hiện tại:

- Cán bộ lãnh đạo : 03 người
- Hợp đồng không xác định thời hạn : 142 người
- Hợp đồng có thời hạn : 20 người
- Hợp đồng Khoán gọn (Nghỉ hưu ký lại HĐ) : 08 người

- ❖ Cơ cấu lao động
 - Lao động trực tiếp sản xuất kinh doanh : 110 người
 - Lao động phục vụ : 45 người
 - Lao động quản lý : 18 người
- ❖ Phân lại chất lượng lao động:
 - **Trên đại học** : 03 người
 - Trong đó:
 - Thạc sĩ : 02 người
 - DS CKI : 01 người
 - **Cán bộ có trình độ đại học** : 73 người
 - Trong đó:
 - Đại học dược : 43 người
 - Đại học khác : 30 người
 - ✓ Đại học khối kinh tế : 19 người
 - ✓ Đại học khối kỹ thuật : 09 người
 - ✓ Đại học ngoại ngữ : 01 người
 - ✓ Công nghệ thông tin : 01 người
 - **Cán bộ trung học,cao đẳng** : 77 người
 - Trong đó:
 - Cao đẳng : 06 người
 - Trung học dược : 69 người
 - Trung học khác: : 02 người
 - **Công nhân kỹ thuật và sơ cấp dược** : 20 người
 - Trong đó:
 - Sơ cấp dược : 11 người
 - Công nhân KT Dược -TBYT : 03 người
 - Công nhân dược : 06 người

⚡ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định. Thu nhập bình quân năm 2020 là 7,8 triệu đ/ người/ tháng.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Đầu tư Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu và Thiết bị sản xuất với tổng giá trị Khoảng 6,5 tỷ .

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2020, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	429 079 849 984	465 338 204 006	7,7
Doanh thu thuần/Net revenue	1 129 259 968 123	1 012 779 435 118	-11
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	9 665 267 590	8 855 960 120	-9
Lợi nhuận khác/ Other profits	135 755 650	9 3913 793	-44
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	9 654 279 965	8 949 873 913	-7
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	7 669 255 396	7 853 648 514	2
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2019/ Year 2019	Năm 2020	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1569	1,1528	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,69	1,92	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital			

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2019/ Year 2019	Năm 2020	Ghi chú/Note
structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,88	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	7,24	4,64	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:	6,83	4,67	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	6,66	4,67	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,12	2,18	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0084	0,0078	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,15	0,0951	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0103	0,0088	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2020	31/12/2020	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	6.598.367	6.598.367	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	6.593.767	6.593.767	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần	0	0	

6. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2019	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2020	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ($\geq 5\%$)	%	57,67	57,67	Theo công bố của VSD tại ngày 31/12/2020
2	Cổ đông nhỏ ($< 5\%$)	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53%	10,53%	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47%	89,47%	
5	Cổ đông trong nước		99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài		0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước		0%	0%	
8	Cổ đông khác		57,67	57,67	

- a. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v: Không có!
- b. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch:
- ✚ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu
 - ✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!
- c. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có!

7. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:



- Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :

- + NPL: : 246.300 kg
- + Dịch chiết+Rượu+cồn : 16.500 kg
- + Nang: : 20.154.000 cái

- Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :

- + PVC + Nhôm + màng co... : 63.200 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn.. : 31.762.000 cái

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: **1.171.000 KW/ năm**

- ✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 1.000.000 kw
- ✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 171.000 Kw

Tiêu thụ nước:

❖ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế

- Số lượng nước đã sử dụng: **14.011 m³/Năm**

✓ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 13.743 m³

✓ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 268 m³

❖ Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✚ Số lao động trung bình trong năm 2019: 173 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2019: 7,8 triệu đồng/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- ✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;
- ✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành
- ✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì
- ✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hi, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- ✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm
- ✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.
 - Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng
 - Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất & Pha chế tại các xưởng .
 - Đào tạo tại các nội dung: GPs, đào tạo phần mềm quản lý mới cho nhân viên xuất-nhập, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Luật dược 2016 và Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; tập huấn An toàn hóa chất.... Cho gần 300 lượt người

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- ✚ Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi
- ✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú Sơn- Huyện Hương Thủy theo phân công của UBND tỉnh
- ✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A Lưới – TT Huế

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

III. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc.

1) Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – KD năm 2020 :

3901
:ÔN
PHẢ
DIP
7.7HI

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	So sánh %	
						6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
1	Doanh Thu SX	Tr. đồng	110,250	117,453	84,975	77	72
2	Tổng giá trị bán ra	Tỷ đ	1,133	950	1,012	89	106

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2019	KH năm 2020	TH 2020	So sánh thực hiện/KH
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.133	950	1.012	106%
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	9,654	10	8.949	89%
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1,985	2	1.096	55
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:		0	0	0	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	7,669	8,000	7.853	98%

2) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

- Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã tiếp tục đoàn kết phối hợp với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, để thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông TN 2020; Đặc biệt đã đạt được một bước mục tiêu phấn đấu Tổng sản phẩm quy đổi hàng sản xuất tăng 125%; Năng suất lao động tăng 132% trong điều kiện vừa phòng chống dịch- vừa bảo đảm công tác sản xuất phục vụ kinh doanh và xuất khẩu thuốc
- Công tác Nghiên cứu sản phẩm mới và lập Hồ sơ đăng kí thuốc đã có bước cải thiện đáng kể
- Công tác duy trì hệ thống Quản lí chất lượng đã bảo đảm theo quy định và đã thực hiện xong đợt tái thanh tra GMP cho 3 nhà máy và GSP cho Kho bảo quản thuốc

- Tuy nhiên lợi nhuận năm 2020 mới đạt 97% so với kế hoạch năm là do các khó khăn khách quan như đã phân tích.

3) Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Quản trị Nhân sự:
 - Đã thực hiện phương án tổ chức cơ cấu lại nhân sự Chủ tịch HĐQT – Tổng giám đốc Giám đốc các khối và Phụ trách quản lý các ĐV trực thuộc sau khi ĐHCĐTN bầu lại HĐQT- Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 4 (2020-2025) theo nguyên tắc quy định của chúng khoán đối với công ty đại chúng (Chủ tịch HĐQT không kiêm Tổng giám đốc) , giảm thiểu số lượng thành viên Ban TGD (Từ 4 người còn 1 người), trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt
 - Tăng cường nhân lực cho bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tuyển dụng & đào tạo tay nghề lao động trực tiếp SX tại DN
- ❖ Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới , nhóm sản phẩm theo dự án bao tiêu thống nhất chung cho hệ thống kinh doanh toàn công ty
- ❖ Đã bổ sung, sửa đổi và ban hành lại Quy chế Lương , Thỏa ước lao động , Nội quy lao động cho phù hợp các quy định hiện hành – đồng thời phù hợp với Mục tiêu – Định hướng phát triển- Chỉ tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện

4) Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
Số đầu năm	429,079,849,984	395,007,500,567	34,072,349,417
Số cuối năm	465,338,204,006	434,340,542,608	30,997,661,398

Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2020) là 169,630,749,482 trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 106,110,829 chiếm 0.06 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 106,110,829

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2020, nợ ngắn hạn là 376,782,830,993 chiếm 98 % tổng nợ phải trả; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

Thời gian	Nợ ngắn hạn	Phải trả người bán	Vay Ngân hàng
Số đầu năm	341,436,245,670	52,904,386,345	279,414,679,173
Số cuối năm	376,782,830,993	63,485,987,523	301,342,790,415

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

5) Kế hoạch phát triển trong tương lai: Xây dựng kế hoạch 2021 Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua và Mục tiêu- định hướng phát triển& Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2021 sẽ biểu quyết tại ĐHĐCĐTN 2021

5.1/ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- b) Tiếp tục mở rộng Hợp tác đối tác mới có tiềm năng về Nhân lực quản lí- Vốn- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới- trong và ngoài nước ... nhằm mục tiêu thay đổi hoạt động Sản xuất- Kinh doanh toàn diện của Medipharco ..
- c) Quản trị Nhân sự:
 - ❖ Bổ nhiệm các chức danh có biến động và đào tạo cán bộ chủ chốt của Doanh nghiệp tại các bộ phận liên quan hoạt động SX-KD-QLCL- Nghiên cứu PT nhằm đáp ứng Mục tiêu phát triển của DN
 - ❖ Tiếp tục củng cố Nhân sự khối SX và nghiên cứu của DN theo hướng:
 - Tăng cường đào tạo kĩ năng thực hành, chuyên môn kĩ thuật cho cán bộ quản lí và nhân viên Bộ phận Nghiên cứu phát triển SP mới, nghiên cứu thị trường để thay đổi và bổ sung Danh mục sản phẩm được cấp số ĐK , tạo sức cạnh tranh của nhóm sản phẩm sản xuất tại DN
 - Tiếp tục Thay đổi , đào tạo chuyên môn để tiếp thu & làm chủ quy trình công nghệ cho nhân sự quản lí điều hành hệ thống Sản xuất nhằm tăng năng suất lao động - hợp lí hóa SX- giảm hao hụt – Hạ giá thành- bảo đảm và nâng cao chất lượng của sản phẩm sản xuất tại DN
 - Đào tạo và Đào tạo lại kiến thức chuyên môn kĩ thuật cho lực lượng lao động nhằm đáp ứng yêu cầu và quy định hiện hành trong SX-KD
- d) Tiếp tục nghiên cứu chiến lược sản phẩm nhằm bảo đảm giá thành nhóm hàng sản xuất đủ sức cạnh tranh trên thị trường
- e) Tiếp tục đầu tư hợp lí nguồn lực cho nghiên cứu sản phẩm mới theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm , mở rộng thị trường & thị phần phân phối ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền ; Tăng công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm;
- f) Tiếp tục đầu tư , nâng cấp cơ sở- Thiết bị đáp ứng quản lí chất lượng theo GMP và nâng công suất sản xuất tối đa cho các dây chuyền sản xuất của nhóm sản phẩm xác định thuộc sản phẩm chiến lược



- g) Tiếp tục nghiên cứu các giải pháp quản trị tài chính để đáp ứng nhu cầu Vốn cho hoạt động SX-KD; Giảm tồn kho công nợ; Tăng hiệu quả lợi nhuận của DN; Bảo đảm sử dụng an toàn nguồn Vốn ;
- h) Triển khai, Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lí Base đối với công tác quản trị nội bộ : Lao động- Tiền lương- Quản lí Sản xuất- Quản lí Kinh doanh và Hạch toán tài chính kế toán

5.2/ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- ⚡ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
- ⚡ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước truyền thống (Châu Phi; Đông nam Á) và thị trường mới (Uzebeckistan)...
- ⚡ Tiếp tục Nghiên cứu , tìm đối tác Hợp tác đầu tư thêm dây chuyền sản xuất tại Khu công nghiệp Phú bài theo hướng đạt chuẩn quốc tế, phát triển nhóm sản phẩm công nghệ mới

5.3/ Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- ⚡ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
- ⚡ Nghiên cứu sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu nhóm sản phẩm sát khuẩn tay để tham gia công tác phòng chống dịch COVIT-19
- ⚡ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

5.4/ Kế hoạch năm 2021:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH 2020	2021 Trình ĐHCĐ	Ghi chú
A-	TỔNG DOANH THU	Tỷ Đ	1.012	950	
I/	Hàng Sản xuất:		85	185	
II/	Hàng Kinh doanh		927	765	
B-	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ Đ	8,949	14	
C-	THUẾ TNDN HIỆN HÀNH	Tỷ Đ	1,096	2,8	
D-	LN SAU THUẾ:	Tỷ Đ	7,853	11,2	
E-	CỔ TỨC DƯ KIẾN (%	10%	10%	



	VỐN ĐL # 66TỶ)				
F-	LAO ĐỘNG	Người	173	≥ 180	Theo nhu cầu SX-KD
G-	Thu nhập trung bình /tháng	Triệu đ	7,8	7,8	Như năm 2020

5.5/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2021:

- a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH- Đào tạo:
- ❖ Củng cố- Đào tạo toàn diện kỹ năng điều hành- chuyên môn kỹ thuật cho Nhân sự quản lí (HĐQT- TGD- GD- Trưởng bộ phận) đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
 - ❖ Bảo đảm cơ cấu hợp lí giữa lao động trực tiếp và gián tiếp, đáp ứng các mục tiêu trọng tâm 2021; Tuyển dụng lao động trực tiếp để bảo đảm phương án SX tăng ca
 - ❖ Thực hiện Quy chế Lương , Thương – Nội quy lao động- Thỏa ước lao động đã sửa đổi ban hành và đăng kí đóng BHXH theo quy định hiện hành;
- b) Tiếp tục Ổn định và nghiên cứu giảm Giá thành , Giá bán một số nhóm hàng sản xuất với các giải pháp đồng bộ:
- ❖ Phân đầu tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) sản xuất năm 2021 sẽ tăng trưởng nhằm đạt tối thiểu 25 SP/năm để làm cơ sở cải thiện được giá thành sản phẩm; Đồng thời có cơ chế xử lí Giá thành và các chi phí SX để đạt mục tiêu Giá nhóm sản phẩm MPC cạnh tranh được trên thị trường
 - ❖ Tiếp tục Khảo sát & Ban hành định mức Kinh tế kỹ thuật và lao động , bổ sung thêm một số thiết bị sản xuất đóng gói nhằm tăng năng lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành
- c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất theo hướng:
- ❖ Nắm bắt nhu cầu của thị trường và khả năng sản xuất của DN để lập kế hoạch sản xuất hợp lý bảo đảm cung cấp đủ hàng cho hệ thống kinh doanh và giảm thiểu tồn kho.
 - ❖ Chủ động xây dựng các chương trình khuyến mãi chung cho cả nước để tăng doanh số bán hàng.
 - ❖ Giao hệ thống kinh doanh trực thuộc bao tiêu hàng của công ty với các cam kết về sản phẩm- Sản lượng- Giá – Chế tài thực hiện để tạo điều kiện tăng sản lượng và hạ giá thành bảo đảm đủ sức cạnh tranh trên thị trường.
 - ❖ Tiếp tục tuyển dụng , xây dựng và phát triển mạng lưới kinh doanh bán hàng;
 - ❖ Tiếp tục cơ cấu lại hệ thống nhà thuốc, quầy thuốc trực thuộc theo hướng đầu tư bổ sung đạt chuẩn mực quốc gia , đồng thời hoạt động có hiệu quả



- ❖ Bộ phận kinh doanh thị trường phải tiếp tục phối hợp với bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Cty để nhanh chóng đăng ký thêm các sản phẩm mới làm phong phú danh mục hàng Sản xuất, tạo thêm doanh thu và lợi nhuận bền vững cho doanh nghiệp
 - ❖ Tăng cường hợp tác chặt chẽ với các Nhà Phân phối bao tiêu sản phẩm và mở rộng thị trường Xuất khẩu(bao gồm cả đăng ký sản phẩm- SX-Xuất khẩu)
- d) Nghiên cứu- Đề xuất phương án hợp tác Sản xuất- Phân phối với Cổ đông lớn Tổng công ty dược Việt nam_ CTCP
- e) Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2021 :
- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu& lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ. Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
 - ❖ Tiếp tục hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm;
 - ❖ Triển khai thực hiện giải pháp hữu hiệu để đẩy nhanh tốc độ Nghiên cứu sản phẩm mới (NCSPM) ; Xây dựng Hồ sơ Đăng ký thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
 - ❖ KH sản phẩm mới 2021 như sau:
 - Đăng ký Thuốc trong nước: 160 sản phẩm
 - Đăng ký thuốc nước ngoài(ĐK lại và ĐK mới): Đăng ký lại 05; Đăng ký mới: 03 (Myanmar)+ 20 (Uzebeckistan)
- f) Hệ thống quản lí chất lượng: Tiếp tục:
- ❖ Kiện toàn , đào tạo bổ sung cho hệ thống quản lí chất lượng theo các chuẩn mục GPs nhằm khắc phục tồn tại theo biên bản tái thanh tra 3 nhà máy sản xuất thuốc (tháng 1/2021) , bảo đảm kiểm soát chất lượng đầu vào – đầu ra của sản phẩm sản xuất –kinh doanh
 - ❖ Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy , Hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu cho Kiểm tra chất lượng &Nghiên cứu để đáp ứng quy định GMP, bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất , phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp
 - ❖ Nghiên cứu tổ chức sản xuất theo ca và tăng ca hợp lý nhằm tiết kiệm chi phí điện năng , giảm hao hụt, tăng công suất lao động Để giảm Giá thành
 - ❖ Tăng cường công tác QLCL, GPs, Dược chính , Online nội mạng tại Khối kinh doanh trên địa bàn tỉnh TT Huế

5.6/ Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lí công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, 2021 theo quy định
- ❖ Kí kết lại hợp đồng tín dụng 2021 tại các ngân hàng; Theo dõi chặt chẽ để thực hiện các điều kiện và phương án thế chấp tài sản/ công nợ/ Tồn kho hàng hóa của từng ngân hàng; Có phương án giải pháp nâng hạn mức tín dụng hoặc

bổ sung thêm Ngân hàng giao dịch(theo nguyên tắc tín chấp) nhằm đáp ứng đủ vốn cho nhu cầu SX-KD và hợp tác năm 2021

- ❖ Phân đầu hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2021 để bảo đảm cô tức và tái đầu tư phát triển
- ❖ Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lí kinh tế tài chính- Hàng hóa
- ❖ Thực hiện báo cáo phân tích quản trị nội bộ theo quy định hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm

5.7/ Đầu tư phát triển:

- ❖ Sử dụng có hiệu quả TSCĐ đã được đầu tư 2020 để nâng cấp chất lượng sản phẩm; Công suất thiết bị dây chuyền; Tăng năng suất lao động góp phần hạ Chi phí và giá thành sản phẩm SX
- ❖ Tiếp tục Đầu tư nâng cấp cơ sở (Nhà máy, hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu đáp ứng Quản lí chất lượng theo chuẩn GMP và bảo đảm Kiểm tra chất lượng & Nghiên cứu Dự kiến trình ĐHCĐTN phê duyệt Tổng dự toán đầu tư năm 2021 là 12 tỷ ĐVN
- ❖ Nghiên cứu PA hợp tác đầu tư khai thác sử dụng Nhà máy số 1 tại Khu CN Phú Bài theo hướng:
 - ⚡ Duy trì , nghiên cứu phát triển dòng Rượu HĐMM cao cấp
 - ⚡ Tìm đối tác và PA mở rộng nghiên cứu- Công bố thêm nhóm SP mới là hóa mỹ phẩm

5.8/ Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:

- ❖ HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHĐ tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.

5.9/ Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐTN 2021

6) Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có!

7) Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. **Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải:** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

b. **Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

c. **Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Trong bối cảnh rất khó khăn nhưng doanh nghiệp đã phân đấu nỗ lực để thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Sản xuất- Kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông TN 2020; Tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu đạt 107%/KH. Đặc biệt đã đạt được mục tiêu phân đấu Tổng sản phẩm quy đổi hàng sản xuất năm 2020 tăng 125% so với TH 2019; Năng suất lao động tăng vượt bậc đạt 132%
- Tuy nhiên lợi nhuận năm 2020 mới đạt 97% so với kế hoạch năm là do các khó khăn khách quan như đã phân tích.
- Bảo đảm tối đa các hoạt động SX-KD trong điều kiện vừa phải phòng chống dịch bệnh COV-19 bùng phát tới 3 đợt trong năm 2020; Bảo đảm công ăn việc làm và thu nhập của người lao động
- Đã thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực từ cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý theo đúng định hướng của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT
- Bước đầu thực hiện có hiệu quả về mục tiêu tập trung Nghiên cứu sản phẩm mới chiến lược sản phẩm nhóm hàng sản xuất tại DN
- Củng cố duy trì hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng theo chuẩn mực GPs và ISO
- Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- ✚ Tổng giám đốc (TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- ✚ Đã kiến nghị với HĐQT xây dựng cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty; Tham gia xây dựng & sửa đổi & Bổ sung đề ban hành Quy chế Lương, Thỏa ước lao động tập thể, Nội quy lao động.
- ✚ Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2020 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN.
- ✚ Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành

107
NG
IÂN
PHI
HUP

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2021:

- a) **Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty** : Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kì 4 (2020-2025) đã thông qua.
- b) **Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:**
- ✚ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
 - ✚ Nghiên cứu sản xuất- kinh doanh- Xuất khẩu nhóm sản phẩm sát khuẩn tay để tham gia công tác phòng chống dịch COVIT-19
 - ✚ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường
- c) **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 2021:**
- ✚ Đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
 - ✚ Tiếp tục Xây dựng , củng cố và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
 - ✚ Bổ sung sửa đổi& Kiện toàn lại Điều lệ Tổ chức hoạt động, Quy chế Quản trị nội bộ của Doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp hiện hành (2020) và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Thông tư số 116/2020/TT-BTC) thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.
 - ✚ Đánh giá kết quả đầu tư năm 2020 ; Tiếp tục Xem xét chủ trương đầu tư nâng cấp Cơ sở Nhà xưởng- Hệ thống phụ trợ- Máy móc thiết bị nhằm đáp ứng công tác quản lí chất lượng theo chuẩn mực GPs, đáp ứng nhu cầu phát triển hàng sản xuất tại DN để trình ĐHCĐTN phê duyệt

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị.

- a) **Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:** (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác):
- ✚ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2020: Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

⚡ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020/

- Cụ thể:

TT	Nội dung	TV HĐQT đặc trách	TV HĐQT phối hợp chính
1	Điều hành toàn bộ hoạt động HĐQT	CTHĐQT	Các TV
2	*Xây dựng Quy chế quản trị nội bộ ; *Xây dựng Mục tiêu , Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn	CTHĐQT	Hoàng Ngọc Hoài Phong Nguyễn Văn Hoàng
3	* Đề xuất Cơ cấu & Sơ đồ Tổ chức ; Bộ máy quản lý điều hành của công ty	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Nguyễn Văn Hoàng
4	*Xây dựng kế hoạch- Hoạt động Báo cáo Quyết toán- Kiểm toán Tài chính; * Quản lý Vốn	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Nguyễn Văn Hoàng
5	*Điều hành hoạt động Sản xuất * Điều hành hoạt động Kinh doanh * Phát triển thị trường * Phát triển sản phẩm	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Nguyễn Văn Hoàng
6	*Hoạt động Quản lý Hệ thống chất lượng Sản xuất- Kinh doanh *Xuất Nhập khẩu *Đào tạo	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT
7	*Đầu tư phát triển * Hợp tác đối tác Chiến lược	Chủ tịch HĐQT	Hoàng Ngọc Hoài Phong
8	Hoạt động Tư pháp		
8a/	* Chứng khoán:	Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Văn Hoàng
8b/	* Về lao động & BHXH	Chủ tịch HĐQT	Hoàng Ngọc Hoài Phong
8c/	*Luật Dược_ NĐ-TT –Quy địnhhướng dẫn luật dược * Liên quan GPs_ATVSTP_ISO	Chủ tịch HĐQT	Hoàng Ngọc Hoài Phong



TT	Nội dung	TVHĐQT đặc trách	TVHĐQT phối hợp chính
	* Liên quan GPs_ATVSTP_ISO		
8d/	* Về SX-KD chung	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Nguyễn Văn Hoàng
8e/	*Về Tài chính- Kế toán- Kiểm toán- Thuế- Ngân hàng	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Hoàng Ngọc Hoài Phong
9	Quản lý cổ đông ; Giao dịch- Báo cáo- Công bố thông tin Chứng khoán	Chủ tịch HĐQT	Bộ phận QLCD (...)
10	Các nội dung khác thuộc quyền&nghĩa vụ của HĐQT: Theo Điều lệ công ty	Chủ tịch HĐQT	TVHĐQT

b) **Hoạt động của Hội đồng quản trị:**

➤ **HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết.** HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.

Cụ thể: 2020: Đã Ban hành Nghị quyết về:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	Số 01/2020/NQ/HĐQT-NK4	12/5/2020	Bầu Chủ tịch HĐQT; Tổng giám đốc	100%
	Số 02/2020/NQ/HĐQT-NK4	12/5/2020	1/ HĐQT thống nhất Phân công các thành viên HĐQT đặc trách theo dõi các hoạt động điều hành chính của HĐQT - nhiệm kỳ 4 (2020-2025) 2/ HĐQT thống nhất bộ máy tổ chức điều hành hoạt động công ty và bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý của công ty nhiệm kỳ 4 (Từ 1/5/2020 đến 1/5/2025) 3/ HĐQT thống nhất Phân công nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty giữa CTHĐQT và Tổng giám đốc 4/ Thống nhất Thông báo sửa đổi Giấy đăng ký kinh doanh liên quan thay đổi chức danh Chủ tịch HĐQT-TGĐ và người đại diện pháp luật của doanh nghiệp NK4 đã được bầu và bổ nhiệm 5/ Thống nhất bộ máy tổ chức điều hành hoạt động công ty : *Thống nhất Sơ đồ tổ chức. *Thống nhất Bổ nhiệm các chức danh Cán bộ quản lý của công ty nhiệm kỳ 4	100%
	Số: 03/2020/NQ-HĐQT	12/5/20	Thống nhất v/v Tổng giám đốc ủy quyền một số công tác quản lý	100%
	Số: 04/2020/NQ-HĐQT	18/5/20	Nghị quyết v/v hạn mức vay và ủy quyền cho CTHĐQT kiêm TGĐ được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng Quân đội	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
	Số: 05/2020/NQ- HĐQT	1/6/2020	Nghị quyết v/v huy động vốn góp của người lao động trong doanh nghiệp	100%
	Số: 06/2020/NQ- HĐQT	18/6/20	Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGDĐ được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng VCB	100%
	Số: 07/2020/NQ- HĐQT	28/7/2020	1/ HĐQT thống nhất triển khai các phương án, giải pháp chi tiết để hiện Mục tiêu & Chiến lược phát triển & KH năm 2020 đã được ĐHCĐTN 2020 biểu quyết thông qua 2/ phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung Thiết bị- Linh kiện phục vụ Sản xuất- Nghiên cứu- Kiểm tra chất lượng và chuẩn bị tái thanh tra GMP-GSP vào đầu năm 2021:	100%
	Số: 08/2020/NQ- HĐQT	14/7/20	Nghị quyết v/v hạn mức vay và uỷ quyền cho CTHĐQT kiêm TGDĐ được đại diện cho công ty ký các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố, hợp đồng bảo lãnh và các giấy tờ giao dịch có liên quan tại Ngân hàng Bidivi	100%
	Số: 09/2020/NQ- HĐQT	28/7/20	1/ Thống nhất chuyên đổi công năng sản xuất của Xưởng Thực phẩm chức năng từ Sản xuất Thực phẩm chức năng xang Sản xuất Mỹ phẩm và Rượu 2/ Thống nhất thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí địa điểm kinh doanh về tên gọi từ “ Xưởng Thực phẩm chức năng “ thành “Nhà máy sản xuất số 1”	100%
	Số: 10/2020/NQ- HĐQT	31/8/2020	Phê duyệt ban hành Quy chế Lương thực hiện từ 1/9/2020	100%
	Số: 11/2020/NQ- HĐQT	10/9/20	Phê duyệt chủ trương Đầu tư Tài sản cố định đầu tư cho công tác Nghiên cứu- quản lí chất lượng	100%
	Số: 12/2020/NQ- HĐQT		1/ Thông qua phương án Thực hiện công chứng, ký hồ sơ thế chấp tài sản đảm bảo là Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 16, tờ bản đồ 33 địa chỉ số 33 đường 16 Cư xá Lữ Gia, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc GCN số 797722720 800117 do UBND TP HCM cấp ngày 19/11/2008 thuộc sở hữu Công ty CP Dược Medipharco tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Bắc Sài Gòn 2/ Ủy quyền ông Hoàng Ngọc Hoài Phong - Chức vụ: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành	100%
	Số: 13/2020/NQ- HĐQT	12/10/2020	Phê duyệt Danh mục & Cấu hình kĩ thuật & Dự toán đầu tư thiết bị cho công tác nghiên cứu – quản lí chất lượng phục vụ cho xưởng sản xuất Thuốc Kem – Mỡ - Nước, xưởng Viên Cốm Bột Non Betalactam, xưởng Cephalosporin...; vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TM CP Đầu tư và Phát	100%



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân	
	Số: 14/2020/NQ- HĐQT	16/10/20	Thông nhất Phê duyệt Đầu tư TSCĐ là Thiết bị Sản xuất - Nghiên cứu – Khắc phục GMP Đợt 2	100%
	Số: 15/2020/NQ- HĐQT	18/11/20	Thông nhất thông qua định hướng chiến lược- chỉ tiêu kế hoạch tổng thể dự kiến năm 2021	100%
	Số: 16/2020/NQ- HĐQT	4/12/20	Phê duyệt bổ nhiệm cán bộ quản lý Phụ trách phòng QC	100%
	Số: 17/2020/NQ- HĐQT	12/12/20	HĐQT thông nhất Chuyên nhượng Tài sản cố định là xe ô tô bán tải Hyundai starex mua năm 2017 do không còn như cầu sử dụng	100%
	Số: 18/2020/NQ- HĐQT	23/12/2020	Thông nhất phê duyệt Chỉ tiêu kế hoạch chi tiết năm 2021: Nội dung chi tiết đính kèm bao gồm: 1) KH dự trù hàng sản xuất 2021 2) KH Giá thành 2021 3) KH Khấu hao 2021 4) KH Lương & BHXH 2021 5) KH khoán Doanh số 2021 6) KH chi phí bán hàng 2021 7) KH Vốn 2021 8) KH Kinh doanh- Tài chính (QTNB) 2021 9) KH nghiên cứu sản phẩm mới 2021 10) KH Quản lý chất lượng 2021 11) KH Đầu tư phát triển năm 2021	100%

- ✦ HĐQT đã Tăng cường các Các biện pháp quản lý, kiểm soát của HĐQT đối với hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc , công tác quản lý Tài chính, Quản lý Vốn:
- ❖ Yêu cầu Tổng giám đốc và Kế toán trưởng thực hiện quy định về báo cáo quản trị nội bộ theo kết quả SX-KD hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm đủ nội dung, đúng tiến độ cho HĐQT
- ❖ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính:
 - Đã giám sát công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
 - Đã ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
 - Giám sát và công bố thông tin v/v kí hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2019-2020 đúng quy định
- ❖ Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX:

- Vốn điều lệ công ty so với nhu cầu SX-KD thì rất thấp! Vì vậy hoạt động của công ty trên 80% dựa vào vốn vay của Ngân hàng thương mại. Tuy khó khăn và thiếu vốn nhưng HĐQT đã có những quyết sách – và quan trọng nhất là giữ được chữ “Tín” với các Ngân hàng để đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động SX-KD.
- Giám sát công tác quản lí thu hồi công nợ thông qua các báo cáo định kì hàng tháng/quý , việc thực hiện các chế tài thưởng/ phạt đối với Công nợ để bảo toàn nguồn vốn kinh doanh không bị thất thoát
- Phê duyệt chủ trương và Giám sát việc triển khai làm các hồ sơ về quyền quản lí- sử dụng Đất- Tài sản trên đất để bổ sung các thủ tục thế chấp nhằm tăng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng , đáp ứng nguồn vốn cho hoạt động của DN

⚡ Thực hiện lợi ích của Cổ đông:

- Đã chi trả cổ tức 2019 sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2020 biểu quyết thông qua đúng quy định
 - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu kí chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty (của VCCI tổ chức): Phan Thị Minh Tâm

2. Ban Kiểm soát.

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 31/12/2020:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1.059%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	TV	Cử nhân kinh tế- Kế toán	10,17%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

408
TV
DUC
IARG
ATHI

- ✚ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- ✚ Trên cơ sở nắm bắt tình hình thực tế, Ban kiểm soát tiến hành họp và đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- ✚ Được mời tham dự các cuộc họp HĐQT mở rộng
- ✚ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%

- ✚ Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) **Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

b) **Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:**

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	ĐVT: đồng VN	
			Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	96,000,000	
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	43,000,000	
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	48,000,000	
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	21,000,000	
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	11,200,000	
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	11,200,000	



STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)
	Cộng			

- ✚ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2020: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 471.000.000 đ, đã bao gồm lợi ích khác.
- ✚ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2020		Cuối năm 31/12/2020	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	85.403	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	553.334	8,39	553.334	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.001.059	15,17

c) **Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:** Đến thời điểm 31/12/2020: Không có!

d) **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

- ✚ Thông tin về các giao dịch cổ phiếu công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên:
 - Của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát: Không có!
 - Giao dịch cổ phiếu của những người liên quan Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát : Không có!
- ✚ Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có!

e) **Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.**

- ✚ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung :
 - Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;



CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2019	Năm 2020
4.	Giá vốn hàng bán	11	1 061 630 967 397	952 338 661 046
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	67 629 000 726	60 440 774 072
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	2 011 970 698	1 705 822 627
7.	Chi phí tài chính	22	22 501 159 277	22 521 824 716
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	22 408 259 301	22 346 861 644
8.	Phân lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		
9.	Chi phí bán hàng	25	25 120 060 049	21 070 754 463
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	12 354 484 509	9 698 057 400
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	9 665 267 590	8 855 960 120
12.	Thu nhập khác	31	135 755 650	121 389 693
13.	Chi phí khác	32	146 746 275	27 475 900
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-10 987 625	93 913 793
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	9 654 279 965	8 949 873 913
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 985 024 569	1 096 225 399
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	7 669 255 396	7 853 648 514

b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2020):

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2019	31/12/2020
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	395 007 500 567	434 340 542 608
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7 373 139 587	6 961 465 709
1.	Tiền	111	7 373 139 587	6 961 465 709
2.	Các khoản tương đương tiền	112		
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	26 646 670 000	20 000 000 000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		

3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	26 646 670 000	20 000 000 000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	227 854 860 853	169 630 749 482
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	225 290 480 095	169 630 749 482
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1 373 246 525	2 120 198 660
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	1 297 245 062	926 216 954
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(106 110 829)	(106 110 829)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV.	Hàng tồn kho	140	126 550 836 388	226 327 507 532
1.	Hàng tồn kho	141	126 550 836 388	226 327 507 532
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(214 718 255)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	6 581 993 739	11 420 819 885
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	295 462 463	754 461 215
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	6 268 124 776	10 666 358 670
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18 406 500	
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	34 072 349 417	30 997 661 398
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6.	Phải thu dài hạn khác	216		
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II.	Tài sản cố định	220	33 882 482 685	30 313 041 594
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	33 882 482 685	30 313 041 594
	- Nguyên giá	222	81 970 133 742	83 606 548 844
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(48 087 651 057)	(53,293,507,250)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3.	Tài sản cố định vô hình	227		

	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
III.	Bất động sản đầu tư	230		
	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		
1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1.	Đầu tư vào công ty con	251		
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	189 866 732	684 619 804
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4.	Tài sản dài hạn khác	268		
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	429 079 849 984	465 338 204 006
	NGUỒN VỐN	Mã số		
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300	347 436 245 670	382 782 830 993
I.	Nợ ngắn hạn	310	341 436 245 670	376 782 830 993
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	52 904 386 345	63 485 987 523
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2 488 608 441	5 585 103 094
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1 323 623 527	590 398 290
4.	Phải trả người lao động	314	826 261 246	2 538 204 369
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1 427 875 050	1 303 666 571
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	857 470 042	572 607 071
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	1 630 287 985	634 487 985
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	279 414 679 173	301 342 790 415
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	563 053 861	729 585 675
3.	Quỹ bình ổn giá	323		
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II.	Nợ dài hạn	330	6 000 000 000	6 000 000 000
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		

2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7.	Phải trả dài hạn khác	337		
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	6 000 000 000	6 000 000 000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	81 643 604 314	82 555 373 013
I.	Vốn chủ sở hữu	410	81 643 604 314	82 555 373 013
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	65 983 670 000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	65 983 670 000	65 983 670 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	(92 000 000)
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	1 472 534 336	1 816 447 149
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	4 703 793 790	5 087 256 559
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	8 093 878 065	8 278 271 182
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	424 596 669	424 622 668
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	7 669 281 396	7 853 648 514
2.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II.	Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		
1.	Nguồn kinh phí	431		
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	429 079 849 984	465 338 204 006

Huế, ngày 19 tháng 03 năm 2021

CHỦ TỊCH HĐQT**Nơi gửi**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GD&ĐT Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

**ĐS. Phan Thị Minh Tâm**